1 **Viết (theo mẫu)**

Viết số	Đọc số
86 030	Tám mươi sáu nghìn không trăm ba mươi
62 300	
	Năm mươi tám nghìn sáu trăm linh một
42 980	
	Bảy mươi nghìn không trăm ba mươi mốt
60 002	

LIVEWORKSHEETS

2 **Số ?**

a) 18 301; 18 302; ..... ; ..... ; ..... ; 18 306; ..... .

b) 32 606; 32 607; ..... ; ..... ; ..... ; 32 611; .....

c) 92 999; 93 000; 93 001; ..... ; ..... ; 93 004; .....

LIVEWORKSHEETS

3 **Số ?**

a) 18 000; 19 000; ……. ; …….. ; ……. ; ..……. ; 24 000

b) 47 000; 47 100; 47 200; …….. ; ……. ; ……. ; ……..

c) 56 300; 56 310; 56 320; …….. ; ……. ; …….. ; ……

LIVEWORKSHEETS